

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 01/2021/DS- ST

Ngày: 18/02/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Ông Quách Hà Vĩnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 18/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST- DS, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 04/02/2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Trịnh Đức T, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn N, Thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên Tòa.

*2. Bị đơn:* Anh Phan Văn N, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên Tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2020, tại bản tự khai ngày 04/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Trịnh Đức T trình bày:

Vào ngày 25/9/2020, anh Phan Văn N có vay của anh số tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất. Anh N hẹn đến ngày 25/10/2020 sẽ trả cho anh 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Số tiền còn lại, anh N hẹn đến ngày 05/11/2020 sẽ thanh toán nốt. Đến thời điểm trả nợ, anh đã yêu cầu anh N trả nợ nhiều lần nhưng anh N vẫn không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết. Nay anh yêu cầu Tòa án buộc anh N phải trả cho anh số tiền gốc đã vay là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), không yêu cầu tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 27/01/2021, anh Phan Văn N trình bày: Trước đây, anh có vay của anh Trịnh Đức T số tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng), anh khất nợ với anh T làm hai lần trả nợ. Tuy nhiên, do điều kiện khó khăn nên anh xin khất nợ lại với anh T làm 02 lần như sau: Đến ngày 01/02/2021 sẽ trả cho anh T 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), số tiền còn lại anh xin khất đến

ngày 01/4/2021 sẽ thanh toán đầy đủ cho anh T và xin anh T tạo điều kiện rút đơn đề cho anh có điều kiện trả nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trịnh Đức T và anh Phan Văn N đang tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” do anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Phan Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần nhưng anh Phan Văn N vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh N và đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh N theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Tòa án cũng đã Thông báo họp lệ cho anh N hai lần để đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh N đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, anh N đã được triệu tập họp lệ hai lần nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh N.

[5]. Việc anh Phan Văn vay của anh Trịnh Đức T số tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà anh T giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền của chữ ký và ghi rõ họ tên của người vay là Phan Văn N. Việc này, bản thân anh N cũng thừa nhận. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa anh N và anh T đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp. Trong giấy vay tiền, anh N cam kết trả nợ cho anh T làm hai lần, lần thứ nhất sẽ trả vào ngày 25/10/2020 số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), số tiền còn lại là 124.000.000đ (một trăm hai mươi bốn triệu đồng), anh N hẹn đến ngày 05/11/2020 sẽ thanh toán. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng anh N không trả, anh T chỉ yêu cầu anh N phải trả số nợ gốc mà không yêu cầu anh N phải trả lãi. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu này của anh T, buộc anh N phải trả cho anh T số tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

[6]. Về lãi suất: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Do yêu cầu của anh T được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên anh N phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Trả lại cho anh T số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc anh Phan Văn N phải trả cho anh Trịnh Đức T số tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án xong thì hàng tháng anh N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Anh Phan Văn N phải chịu 11.200.000đ (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho anh Trịnh Đức T 5.600.000đ (Năm triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2018/0002950 ngày 07/12/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Trịnh Đức T, vắng mặt anh Phan Văn N. Anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Cúc**